

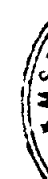
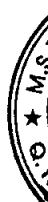
**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 55

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Ngọc Thăng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (tạm đình chỉ công tác từ ngày 21 tháng 9 năm 2016)
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2016)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Tiên Thành**

**Phó Tổng Giám đốc**

(Giấy ủy quyền số 807/UQ-XLKD  
ngày 15 tháng 3 năm 2017)

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Số: 887 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 10 tháng 4 năm 2017, từ trang 6 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2016 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - Công ty con của Tổng Công ty) được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với tổng tài sản là khoảng 576,5 tỷ VND, nợ phải trả là khoảng 519,1 tỷ VND, tổng lỗ kế toán trước thuế là khoảng 4,5 tỷ VND. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 314,8 tỷ VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 194,4 tỷ VND và các vấn đề khác ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của PVC-Land. Giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Tổng Công ty chưa đánh giá được ảnh hưởng của giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty) đã ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần của Petroland tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long) cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh trong năm 2016, trong khi cơ sở để ghi nhận nghiệp vụ này là chưa phù hợp theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Nếu Petroland không ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần của Petroland tại Thăng Long theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, thì Petroland sẽ phải hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long trên báo cáo tài chính hợp nhất của Petroland. Theo báo cáo của Petroland cung cấp, nếu Petroland thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trước khi Tổng Công ty hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất của Petroland thì trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty, các chỉ tiêu "Tổng tài sản", "Nợ phải trả" và "Vốn chủ sở hữu" sẽ giảm với số tiền lần lượt là khoảng 95,5 tỷ VND, 44 tỷ VND và 51,5 tỷ VND. Đồng thời, chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" và "Chi phí tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty sẽ giảm và tăng lần lượt tương ứng khoảng 50,9 tỷ VND và 2,6 tỷ VND.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng có sự thay đổi trên cơ sở Tổng Công ty đánh giá PVC-SG đã có phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại tổ chức tín dụng cũng như Tổng Công ty xác định rằng tổ chức tín dụng này đã gia hạn thời gian trả nợ cho khoản vay của PVC-SG. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Các vấn đề cần nhấn mạnh*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 2.970 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lỗ lũy kế khoảng 3.028 tỷ VND), dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 299 tỷ VND và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

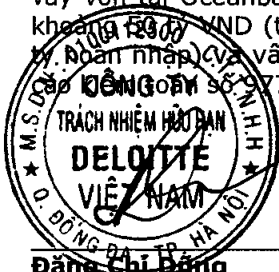
### Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có một số khoản cho vay và bảo lãnh cho một số công ty với số tiền lần lượt khoảng 504 tỷ VND và khoảng 238 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh, cho vay và các tổ chức tín dụng để thu hồi các khoản cho vay, giải tỏa thư bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 43 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt chuyển nhượng Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang, cũng như được phê duyệt các giá trị phát sinh chưa lường hết của các công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 43 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị và Thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đánh giá ảnh hưởng của các kết luận nêu trên của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

### Vấn đề khác

Trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần và một số vấn đề cần nhấn mạnh, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập toàn bộ với số tiền khoảng 500 tỷ VND (trong tổng số tiền thuận 46 tỷ VND dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh được Tổng Công ty hoàn nhập) và vấn đề hoàn nhập này được đề cập trong đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" trên Báo cáo kiểm toán số 977/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.



**Đặng Chí Đông**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Trung Kiên**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1924-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.328.209.630.823</b>	<b>9.434.377.787.805</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.322.734.652.189</b>	<b>873.243.970.647</b>
1. Tiền	111		691.965.065.580	537.599.518.674
2. Các khoản tương đương tiền	112		630.769.586.609	335.644.451.973
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>102.679.389.636</b>	<b>119.608.041.024</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		159.948.845.000	209.148.845.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(124.185.515.000)	(161.157.292.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		66.916.059.636	71.616.488.024
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.977.587.956.388</b>	<b>3.522.632.821.353</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.886.786.949.939	2.021.522.980.637
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.004.660.980.659	1.146.863.194.536
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		46.228.857.416	71.964.625.337
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	538.767.630.118	114.511.169.735
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	682.285.439.123	1.231.709.689.681
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.184.051.396.052)	(1.067.146.222.845)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.909.495.185	3.207.384.272
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>4.766.306.354.670</b>	<b>4.615.298.588.571</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.827.058.732.376	4.679.181.202.237
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(60.752.377.706)	(63.882.613.666)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>158.901.277.940</b>	<b>303.594.366.210</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	14.773.671.333	8.963.344.557
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		84.163.572.126	236.503.243.622
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25	33.710.638.981	31.874.382.531
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		26.253.395.500	26.253.395.500

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.637.504.952.763</b>	<b>5.428.390.801.984</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>308.185.539.729</b>	<b>524.578.812.568</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	101.875.219.012	103.312.273.041
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	24.033.001.805	44.515.828.147
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	504.156.498.658
4. Phải thu dài hạn khác	216	10	182.277.318.912	170.806.076.918
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(298.211.864.196)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.717.350.616.198</b>	<b>1.723.291.709.360</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.280.595.928.318	1.258.947.328.127
- Nguyên giá	222		1.891.764.240.658	1.764.780.770.062
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(611.168.312.340)	(505.833.441.935)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	41.190.085.739	73.917.068.600
- Nguyên giá	225		61.697.903.279	100.322.019.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.507.817.540)	(26.404.951.027)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	395.564.602.141	390.427.312.633
- Nguyên giá	228		417.487.731.902	409.799.134.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.923.129.761)	(19.371.822.127)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>17</b>	<b>141.271.968.485</b>	<b>129.453.972.591</b>
- Nguyên giá	231		153.023.623.847	138.480.144.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.751.655.362)	(9.026.172.082)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>18</b>	<b>821.303.668.209</b>	<b>2.277.400.817.870</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		26.886.776.699	1.309.326.278.213
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		794.416.891.510	968.074.539.657
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>173.635.643.008</b>	<b>187.731.751.702</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	19	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	20	115.920.818.601	130.800.017.376
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	21	220.077.968.199	231.084.388.437
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(162.363.143.792)	(174.152.654.111)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>475.757.517.134</b>	<b>585.933.737.893</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	232.385.810.198	279.679.515.301
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		41.639.572.694	41.382.083.257
3. Tài sản dài hạn khác	268		182.950.943.385	239.950.943.385
4. Lợi thế thương mại	269	22	18.781.190.857	24.921.195.950
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>12.965.714.583.586</b>	<b>14.862.768.589.789</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

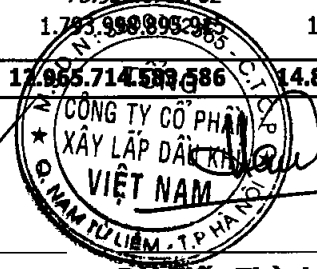
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.977.294.349.621</b>	<b>11.997.307.093.754</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.247.392.579.327</b>	<b>10.010.553.839.401</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	3.560.247.554.900	3.876.782.259.240
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	1.619.940.706.320	3.108.420.429.237
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	67.993.541.863	69.951.979.199
4. Phải trả người lao động	314		197.907.930.723	215.351.372.433
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26	758.829.785.584	855.518.702.140
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.133.789.762	702.418.604
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	27	854.957.677.396	681.548.864.536
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28	2.143.915.469.003	1.175.380.300.900
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		22.264.561.839	17.258.004.027
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.201.561.937	9.639.509.085
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>729.901.770.294</b>	<b>1.986.753.254.353</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	24	25.746.739.422	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	26	143.012.483.345	144.545.262.234
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		82.881.654.494	202.976.116.345
4. Phải trả dài hạn khác	337	27	26.698.001.467	88.091.240.776
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29	413.785.724.965	1.512.377.219.267
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.512.212.522	7.376.938.319
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342		32.264.954.079	31.386.477.412
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.988.420.233.965</b>	<b>2.865.461.496.035</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.988.420.233.965</b>	<b>2.865.461.496.035</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	30	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	30	6.831.719.482	6.831.719.482
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	30	3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	415	30	(2.862.805.993)	(2.862.805.993)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	30	155.271.048.744	142.499.602.785
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	30	2.162.412.232	2.162.412.232
7. (Lỗ) lũy kế	421	30	(2.970.044.312.659)	(3.028.008.205.855)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.045.966.986.421)	(3.051.994.470.942)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		75.922.673.762	23.986.265.087
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.793.399.999.965	1.741.775.497.140
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>17.865.714.589.586</b>	<b>14.862.768.589.789</b>



**Nguyễn Thị Thu Anh**  
 Người lập biểu  
 Ngày 10 tháng 4 năm 2017



**Lưu Đức Hoàng**  
 Kế toán trưởng



**Bùi Tiến Thành**  
 Phó Tổng Giám đốc


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	9.209.868.604.305	11.843.363.824.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	57.942.803.872	7.067.766.989
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	33	9.151.925.800.433	11.836.296.057.436
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	8.801.260.690.751	11.088.185.760.069
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		350.665.109.682	748.110.297.367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	114.718.313.393	90.221.137.086
7. Chi phí tài chính	22	36	99.998.848.722	34.987.210.487
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		147.193.219.648	136.740.804.866
8. (Lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	24		(26.096.758.775)	(31.355.467.203)
9. Chi phí bán hàng	25		9.383.437.277	23.733.489.545
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	223.367.351.172	677.839.033.566
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		106.537.027.129	70.416.233.652
12. Thu nhập khác	31		58.370.904.307	71.403.600.073
13. Chi phí khác	32		51.207.585.604	53.295.937.287
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.163.318.703	18.107.662.786
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		113.700.345.832	88.523.896.438
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	39	24.100.361.736	58.269.570.143
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.122.215.234)	7.562.894.497
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		91.722.199.330	22.691.431.798
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		75.922.673.762	23.986.265.087
20. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		15.799.525.568	(1.294.833.289)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40		49

  
**Nguyễn Thị Thu Anh**  
 Người lập biểu

  
**Lưu Đức Hoàng**  
 Kế toán trưởng

  
  
**Bùi Tiến Thành**  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>113.700.345.832</b>	<b>88.523.896.438</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	118.423.144.220	116.383.131.565
Các khoản dự phòng	03	(233.198.214.268)	339.242.466.389
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	18.306.860.263	(3.482.602.996)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(22.385.833.038)	(3.582.610.746)
Chi phí lãi vay	06	147.193.219.648	136.740.804.866
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>142.039.522.657</b>	<b>673.825.085.516</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.020.785.358.780	482.566.555.393
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.100.003.586.301	(802.006.105.667)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.660.287.004.501)	(1.365.983.078.137)
Thay đổi chi phí trả trước	12	37.808.145.135	44.319.839.699
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	49.200.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(104.097.262.765)	(122.099.668.121)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.194.248.105)	(46.653.079.024)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	19.606.727.425	78.721.848
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.080.678.593)	(18.862.823.752)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>550.784.146.334</b>	<b>(1.154.814.552.245)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(119.989.381.277)	(106.031.113.207)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	76.355.878.204	47.407.155.116
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(15.780.140.256)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	44.535.361.369	-
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	51.965.534.169	152.521.794.597
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.400.181.965	22.374.367.116
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>94.267.574.430</b>	<b>100.492.063.366</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	26.158.617.975
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.906.859.237.853	1.820.285.026.538
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.053.958.691.976)	(1.618.257.606.467)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(16.719.648.776)	(26.746.124.952)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36	(34.766.264.100)	(41.620.298.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(198.585.366.999)</b>	<b>159.819.614.894</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>446.466.353.765</b>	<b>(894.502.873.985)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>873.243.970.647</b>	<b>1.765.815.383.424</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.024.327.777	1.931.461.208
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>1.322.734.652.189</b>	<b>873.243.970.647</b>

Nguyễn Thị Thu Anh  
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Lưu Đức Hoàng  
Kế toán trưởng



Bùi Tiến Thành  
Phó Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.150 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.350 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án nhà máy sợi tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc,

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 19 và 12 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 20.

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tình hình tài chính của Công ty mẹ và một số công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam) có dấu hiệu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục do các công ty này có công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn, lỗ lũy kế hoặc/và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm hoặc đang bị kiện (Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam - xem Thuyết minh số 4). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 2.970 tỷ VND và dư nợ vay ngân hàng quá hạn là khoảng 299 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2017 và các năm tiếp theo, cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các sự kiện không chắc chắn này.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.



#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

##### ***Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - Công ty con của Tổng Công ty)***

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán của PVC-Land được lập trên giả định hoạt động liên tục. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của PVC-Land cung cấp, nợ phải trả ngắn hạn của PVC-Land vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 314,8 tỷ VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 194,4 tỷ VND, một số khách hàng mua căn hộ tại Dự án chung cư Petrovietnam Landmark do PVC-Land làm chủ đầu tư đã tiến hành khởi kiện PVC-Land vì chậm bàn giao căn hộ. Ngày 24 tháng 02 năm 2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTTPS quyết định mở thủ tục phá sản đối với PVC-Land. Ngày 30 tháng 3 năm 2017, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 04/2017/QĐPT-MTTTPS quyết định hủy Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTTPS. Các dấu hiệu trên cho thấy giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định hợp nhất báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán của PVC-Land, với tổng tài sản là khoảng 576,5 tỷ VND, nợ phải trả là khoảng 519,1 tỷ VND, tổng lỗ kế toán trước thuế là khoảng 4,5 tỷ VND và tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện này.

***Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty)***

Trong năm 2016, Petroland ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Petroland tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long - Công ty con của Petroland) cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (Đất Xanh). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các thủ tục chuyển nhượng cổ phần chưa hoàn thành, tuy nhiên, Petroland đã xác định Thăng Long không còn là công ty con của Petroland tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Petroland.

Theo báo cáo của Petroland cung cấp, nếu Petroland không ghi nhận nghiệp vụ thoái toàn bộ cổ phần của Petroland tại Thăng Long, thì Petroland sẽ phải hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long trên báo cáo tài chính hợp nhất của Petroland, theo đó, mục "Tổng tài sản", "Nợ phải trả", và "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm lần lượt khoảng 95,5 tỷ VND, 44 tỷ VND, và 51,5 tỷ VND. Đồng thời, chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" và "Chi phí tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Petroland sẽ giảm và tăng lần lượt tương ứng là 50,8 tỷ VND và 2,6 tỷ VND.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (chưa bao gồm hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Petroland và tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện này.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 48
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	3 - 7

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b> <b>(Số năm)</b>
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 năm đến 38 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ giàn giáo cốt pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cốt pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cốt pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Tiền mặt	17.882.095.861	5.290.045.614
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	674.082.969.719	532.309.473.060
Các khoản tương đương tiền (ii)	630.769.586.609	335.644.451.973
	<b>1.322.734.652.189</b>	<b>873.243.970.647</b>

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm số tiền khoảng 24,6 tỷ VND gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 104,4 tỷ VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>159.948.845.000</b>	<b>124.185.515.000</b>	<b>209.148.845.000</b>	<b>161.157.292.000</b>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico</i>	<i>136.068.065.000</i>	<i>109.596.055.000</i>	<i>136.068.065.000</i>	<i>101.654.452.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)</i>	<i>14.600.000.000</i>	<i>13.885.000.000</i>	<i>14.600.000.000</i>	<i>13.885.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)</i>	-	-	<i>49.200.000.000</i>	<i>42.800.000.000</i>
<i>Khác</i>	<i>9.280.780.000</i>	<i>704.460.000</i>	<i>9.280.780.000</i>	<i>2.817.840.000</i>
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>66.916.059.636</b>	-	<b>71.616.488.024</b>	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>66.916.059.636</i>	-	<i>71.616.488.024</i>	-

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và không quá 12 tháng.



**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.886.786.949.939</b>	<b>2.021.522.980.637</b>
Phải thu các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 41)	503.072.124.964	574.359.326.178
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (i)	393.997.151.700	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	989.717.673.275	1.447.163.654.459
<b>b) Dài hạn</b>	<b>101.875.219.012</b>	<b>103.312.273.041</b>
Phải thu các khách hàng mua dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	101.126.029.012	92.823.471.392
Phải thu khách hàng dài hạn khác	749.190.000	10.488.801.649
	<b>1.988.662.168.951</b>	<b>2.124.835.253.678</b>

(i) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Petroland - Công ty con của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Công ty con của Petroland).

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.004.660.980.659</b>	<b>1.146.863.194.536</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	138.560.634.501	238.256.667.098
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.941.703.158	113.089.334.990
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	88.776.819.553	88.393.173.633
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	73.763.941.244	87.033.182.375
FLSmidth Wadgassen	69.202.792.277	174.599.500.950
Các nhà cung cấp khác	525.415.089.926	445.491.335.490
<b>b) Dài hạn</b>	<b>24.033.001.805</b>	<b>44.515.828.147</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	9.145.337.557	11.429.978.899
Các nhà cung cấp khác	14.887.664.248	33.085.849.248
	<b>1.028.693.982.464</b>	<b>1.191.379.022.683</b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>538.767.630.118</b>	<b>336.594.633.583</b>	<b>114.511.169.735</b>	<b>114.511.169.735</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	179.912.859.769	167.153.319.304	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (i)	101.620.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	22.623.638.889	10.474.032.816	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	23.613.461.725	23.613.461.725	100.063.500.000	100.063.500.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	14.447.669.735	14.447.669.735
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>504.156.498.658</b>	<b>298.211.864.196</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	-	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	-	179.912.859.769	167.153.319.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	-	-	101.620.000.000	5.467.156.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	-	-	22.623.638.889	1.235.238.889
	<b>538.767.630.118</b>	<b>336.594.633.583</b>	<b>618.667.668.393</b>	<b>412.723.033.931</b>

(i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để thanh toán các khoản vay của Oceanbank nêu trên, nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**10. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>682.285.439.123</b>	<b>1.231.709.689.681</b>
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	139.436.204.800	149.298.051.973
- Ký cược, ký quỹ	81.639.403.257	572.325.952.884
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.328.848.975	91.361.184.288
- Phải thu ngắn hạn khác	372.647.203.935	372.490.722.380
<b>b) Dài hạn</b>	<b>182.277.318.912</b>	<b>170.806.076.918</b>
- Ký cược, ký quỹ	122.109.983.607	78.247.448.571
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (iii)	57.000.000.000	57.000.000.000
- Phải thu dài hạn khác	3.167.335.305	35.558.628.347
	<b>864.562.758.035</b>	<b>1.402.515.766.599</b>

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 42).
- (iii) Khoản góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - Công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng hợp tác số 98/HĐHT/PVC-PVCLand ngày 31 tháng 12 năm 2010 giữa PVC-Land và Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí - PVL) về việc hợp tác triển khai dự án tại Công ty Cổ phần Nghiên cứu Dầu khí Miền Nam.

**11. NỢ XẤU**

Thông tin về các khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	286.989.556.168	35.700.402.512	295.343.570.527	50.745.234.938
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	221.227.199.179	90.732.738.886
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	140.897.486.584	703.859.970	155.841.990.366	18.628.629.266
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	86.425.736.552	16.445.144.693	89.875.736.552	17.541.256.428
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	76.728.422.607	-	192.048.361.058	44.766.476.746
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	63.943.147.786	-	61.611.264.659	23.030.048.513
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	69.605.577.963	2.124.802.914	69.805.734.107	3.022.782.195
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	33.038.323.852	-	25.555.543.731	909.670.604
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	45.477.848.975	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	37.506.687.346	-	44.672.654.196	1.250.162.580
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.495.439.099	100.965.000	45.198.043.065	18.383.943.809
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	-	27.426.673.819	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	23.613.461.725	-	100.063.500.000	-
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	-	-	40.000.000.000	12.000.000.000

**12. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	68.939.115.794	421.623.000	34.767.930.975	519.790.203
Công cụ, dụng cụ	7.898.507.170	120.346.280	12.196.931.350	263.728.437
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	4.397.078.215.334	25.907.043.180	4.199.122.887.061	26.607.537.179
Thành phẩm	8.836.711.146	-	8.771.694.556	-
Hàng hoá	9.215.391	-	33.833.143	-
Hàng hoá bất động sản	344.296.967.541	34.303.365.246	424.287.925.152	36.491.557.847
	<b>4.827.058.732.376</b>	<b>60.752.377.706</b>	<b>4.679.181.202.237</b>	<b>63.882.613.666</b>

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng, chi tiết theo công trình như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (*)	2.319.013.631.372	3.350.977.952.216
Dự án chung cư PetroVietnam Landmark (**)	1.045.264.907.823	-
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	289.791.884.059	-
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	257.059.591.861	250.567.444.291
Chung cư cao cấp Mỹ Phú, thành phố Hồ Chí Minh	118.954.513.064	155.258.032.738
Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	55.526.571.357	90.938.202.698
Các công trình khác	311.467.115.798	351.381.255.118
	<b>4.397.078.215.334</b>	<b>4.199.122.887.061</b>

(\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 43, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

(\*\*) Dự án chung cư PetroVietnam Landmark của PVC-Land (công ty con của Tổng Công ty) dự kiến hoàn thành, bàn giao cho các khách hàng mua căn hộ trong năm 2017. Do vậy, Tổng Công ty quyết định phân loại số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án này từ dài hạn sang ngắn hạn.

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.350.586.262	4.074.450.087
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.423.085.071	4.888.894.470
	<b>14.773.671.333</b>	<b>8.963.344.557</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	94.683.469.032	96.775.921.380
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	53.517.431.046	66.668.132.396
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	30.813.101.958	60.569.501.294
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản	41.061.565.059	41.061.565.059
Lợi thế kinh doanh	1.599.251.000	2.117.927.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.710.992.103	12.486.468.172
	<b>232.385.810.198</b>	<b>279.679.515.301</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**14. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	1.235.414.371.435	297.945.798.717	190.726.437.104	39.452.291.124	1.241.871.682	1.764.780.770.062
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	41.433.350.290	-	-	-	-	41.433.350.290
Mua sắm mới	2.829.477.273	44.724.561.373	4.638.368.694	717.831.545	-	52.910.238.885
Tặng do mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	4.480.372.010	39.533.209.670	-	-	44.013.581.680
Thanh lý, nhượng bán	(2.236.374.000)	(4.849.452.086)	(1.748.996.687)	(520.106.926)	-	(9.354.929.699)
Tặng/(Giảm) khác	(1.865.538.293)	659.041.372	511.449.800	(81.851.757)	(1.241.871.682)	(2.018.770.560)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.275.575.286.705</b>	<b>342.960.321.386</b>	<b>233.660.468.581</b>	<b>39.568.163.986</b>	<b>-</b>	<b>1.891.764.240.658</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số đầu năm	162.901.282.884	173.888.957.557	134.998.420.198	33.594.384.779	450.396.517	505.833.441.935
Trích khấu hao trong năm	52.554.098.206	25.278.004.394	20.343.608.898	2.579.806.584	7.149.840	100.762.667.922
Tặng do mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	1.835.102.568	15.682.141.754	-	-	17.517.244.322
Thanh lý, nhượng bán	(1.864.752.390)	(4.766.913.999)	(1.748.996.687)	(520.106.926)	-	(8.900.770.002)
Tặng/(Giảm) khác	(2.609.939.781)	(269.018.041)	(981.713.426)	273.945.768	(457.546.357)	(4.044.271.837)
<b>Số cuối năm</b>	<b>210.980.688.919</b>	<b>195.966.132.479</b>	<b>168.293.460.737</b>	<b>35.928.030.205</b>	<b>-</b>	<b>611.168.312.340</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày đầu năm	1.072.513.088.551	124.056.841.160	55.728.016.906	5.857.906.345	791.475.165	1.258.947.328.127
Tại ngày cuối năm	1.064.594.597.786	146.994.188.907	65.367.007.844	3.640.133.781	-	1.280.595.928.318

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 412,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 453,7 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 186,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 166,1 tỷ VND).

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>42.526.031.775</b>	<b>57.795.987.852</b>	<b>100.322.019.627</b>
Thuê tài chính trong năm	-	4.927.415.332	4.927.415.332
Giảm do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(4.431.652.010)	(39.119.879.670)	(43.551.531.680)
<b>Số cuối năm</b>	<b>38.094.379.765</b>	<b>23.603.523.514</b>	<b>61.697.903.279</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>7.221.076.790</b>	<b>19.183.874.237</b>	<b>26.404.951.027</b>
Khấu hao trong năm	7.130.467.126	4.489.643.709	11.620.110.835
Giảm do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(1.835.102.568)	(15.682.141.754)	(17.517.244.322)
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.516.441.348</b>	<b>7.991.376.192</b>	<b>20.507.817.540</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<b>35.304.954.985</b>	<b>38.612.113.615</b>	<b>73.917.068.600</b>
Tại ngày cuối năm	<b>25.577.938.417</b>	<b>15.612.147.322</b>	<b>41.190.085.739</b>

**16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số đầu năm</b>	<b>391.972.446.378</b>	<b>17.796.688.382</b>	<b>30.000.000</b>	<b>409.799.134.760</b>
Tăng do mua sắm	7.219.063.142	539.500.000	-	7.758.563.142
Giảm khác	-	(69.966.000)	-	(69.966.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>399.191.509.520</b>	<b>18.266.222.382</b>	<b>30.000.000</b>	<b>417.487.731.902</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Số đầu năm</b>	<b>4.477.790.494</b>	<b>14.864.031.633</b>	<b>30.000.000</b>	<b>19.371.822.127</b>
Khấu hao trong năm	1.233.195.669	1.388.077.965	-	2.621.273.634
Giảm khác	-	(69.966.000)	-	(69.966.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.710.986.163</b>	<b>16.182.143.598</b>	<b>30.000.000</b>	<b>21.923.129.761</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<b>387.494.655.884</b>	<b>2.932.656.749</b>	-	<b>390.427.312.633</b>
Tại ngày cuối năm	<b>393.480.523.357</b>	<b>2.084.078.784</b>	-	<b>395.564.602.141</b>

Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 371 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 371,5 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**17. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>131.753.991.665</b>	<b>6.726.153.008</b>	<b>138.480.144.673</b>
Tăng trong năm	697.542.468	-	697.542.468
Tăng từ hàng tồn kho	36.498.895.074	-	36.498.895.074
Thanh lý, nhượng bán	(20.248.419.723)	-	(20.248.419.723)
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(2.035.500.000)	-	(2.035.500.000)
Giảm khác	(369.038.645)	-	(369.038.645)
<b>Số cuối năm</b>	<b>146.297.470.839</b>	<b>6.726.153.008</b>	<b>153.023.623.847</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>8.795.985.448</b>	<b>230.186.634</b>	<b>9.026.172.082</b>
Khấu hao trong năm	3.397.064.661	22.027.168	3.419.091.829
Thanh lý, nhượng bán	(598.618.549)	-	(598.618.549)
Phân loại lại sang hàng tồn kho	(94.990.000)	-	(94.990.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.499.441.560</b>	<b>252.213.802</b>	<b>11.751.655.362</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>122.958.006.217</b>	<b>6.495.966.374</b>	<b>129.453.972.591</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>134.798.029.279</b>	<b>6.473.939.206</b>	<b>141.271.968.485</b>

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**18. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án chung cư PetroVietnam Landmark (xem Thuyết minh số 12)	-	-	1.017.239.621.458	951.999.738.170
Dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (i)	-	-	327.125.287.643	327.125.287.643
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1	27.859.273.633	14.016.684.459	27.859.273.633	14.016.684.459
Dự án nhà máy Xơ sợi Polyester	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	13.480.083.636	2.100.000.000	13.780.083.636	-
Các công trình, dự án khác	15.876.518.176	1.607.785.360	16.840.779.332	7.022.261.061
	<b>82.975.200.657</b>	<b>26.886.776.699</b>	<b>1.428.604.370.914</b>	<b>1.309.326.278.213</b>



- (i) Trong năm 2016, Petroland - Công ty con của Tổng Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Petroland tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long - Công ty con của Petroland). Theo đó, Petroland không hợp nhất báo cáo tài chính của Thăng Long và công trình này không còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (xem thêm Thuyết minh số 4).

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm	1.280.411.282	3.689.257.335
- Xây dựng cơ bản	793.136.480.228	964.385.282.322
Trong đó:		
<i>Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh</i>	<i>239.226.180.716</i>	<i>228.648.061.338</i>
<i>Dự án Xuân Phương (i)</i>	<i>171.546.391.924</i>	<i>171.415.443.004</i>
<i>Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu</i>	<i>156.235.275.606</i>	<i>156.197.977.424</i>
<i>Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)</i>	<i>103.079.136.232</i>	<i>102.408.772.595</i>
<i>Công trình - Đầu tư Bất động sản Khu du lịch Thanh Bình - P10 - TP Vũng Tàu</i>	<i>96.823.309.274</i>	<i>96.823.309.274</i>
<i>Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu</i>	-	<i>115.164.700.040</i>
<i>Khu nhà ở cán bộ nhân viên ngành Dầu khí</i>	-	<i>41.287.489.549</i>
<i>Các công trình, dự án khác</i>	<i>26.226.186.476</i>	<i>52.439.529.098</i>
	<b><u>794.416.891.510</u></b>	<b><u>968.074.539.657</u></b>

- (i) Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN ("Quyết định 7089/QĐ-DKVN"). Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động Dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện Dự án. Ngày 09 tháng 01 năm 2014, PVN đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-DKVN về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời, ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN ban hành Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại Dự án từ Tổng Công ty.

Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao Dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao Dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao Dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện Dự án. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các sự kiện trên.

**19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Quảng Ngãi	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo Nghị quyết trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2017 - 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện Nghị quyết nêu trên.

**20. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày cuối năm VND	Giá trị vốn góp tại ngày đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
3	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	54.395.000.000	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	77.400.000.000	63.900.000.000	42%	42%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sóng Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (*)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
8	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	82.000.000.000	82.000.000.000	35%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
12	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	72.400.000.000	73.500.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			<b>809.806.467.055</b>	<b>798.588.907.055</b>			

(\*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	809.806.467.055	798.588.907.055
(Lỗ) lũy kế từ công ty liên kết	(693.885.648.454)	(667.788.889.679)
	<b>115.920.818.601</b>	<b>130.800.017.376</b>

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Tổng tài sản	4.340.129.965.786	4.498.514.527.097
Tổng công nợ	5.311.820.971.545	5.360.235.783.883
Tài sản thuần	(971.691.005.759)	(861.721.256.786)
<b>Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>115.920.818.601</b>	<b>130.800.017.376</b>
	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Doanh thu	943.210.418.465	992.175.636.265
(Lỗ) thuần	(140.654.749.099)	(254.297.037.260)
<b>(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>(26.096.758.775)</b>	<b>(31.355.467.203)</b>

**21. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT	Đầu tư dài hạn khác	<u>Số cuối năm</u>	Tỷ lệ phần sở hữu	<u>Số đầu năm</u>	Tỷ lệ phần sở hữu
		<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	-	-	10.200.000.000	13%
6	Các khoản đầu tư dài hạn khác	20.013.000.000		20.819.420.238	
		<b>220.077.968.199</b>		<b>231.084.388.437</b>	

**22. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<u>Lợi thế thương mại</u> <b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số đầu năm	<b>64.493.904.711</b>
Số cuối năm	<b>64.493.904.711</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số đầu năm	<b>39.572.708.761</b>
Phân bổ trong năm	6.140.005.093
Số cuối năm	<b>45.712.713.854</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số cuối năm	<b>18.781.190.857</b>
Số đầu năm	<b>24.921.195.950</b>

**23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.338.738.026.388	1.338.738.026.388	1.926.217.551.948	1.926.217.551.948
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917	180.568.707.108	180.568.707.108
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	462.201.428.023	462.201.428.023	-	-
Tập đoàn Sojitz	142.503.537.336	142.503.537.336	132.836.579.852	132.836.579.852
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	112.715.721.655	112.715.721.655	68.835.238.630	68.835.238.630
Các đối tượng khác	1.211.052.920.770	1.211.052.920.770	1.452.350.842.891	1.452.350.842.891
	<b>3.560.247.554.900</b>	<b>3.560.247.554.900</b>	<b>3.876.782.259.240</b>	<b>3.876.782.259.240</b>
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả người bán là các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 41)	<b>530.830.239.335</b>		<b>568.426.675.890</b>	

- (i) Thể hiện số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 42).

**24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.619.940.706.320</b>	<b>3.108.420.429.237</b>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	410.874.564.689	63.245.144.302
Ban quản lý dự án công trình DK I	296.673.955.001	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	202.767.223.619	2.362.216.587.695
Các đối tượng khác	709.624.963.011	682.958.697.240
<b>b) Dài hạn</b>	<b>25.746.739.422</b>	-
Người mua trả tiền trước mua chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	25.746.739.422	-
	<b>1.645.687.445.742</b>	<b>3.108.420.429.237</b>

**25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Phát sinh trong năm			Số cuối năm VND
	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp VND	Số đã thu/nộp/ bù trừ VND	
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.815.399.376	1.852.392.185	-	33.667.791.561
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.076.170		18.076.170
Các loại thuế khác	58.983.155	23.987.530	58.199.435	24.771.250
	<b>31.874.382.531</b>	<b>1.894.455.885</b>	<b>58.199.435</b>	<b>33.710.638.981</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	36.092.128.982	269.094.233.262	266.665.532.794	38.520.829.450
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	441.830.364.941	441.830.364.941	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	87.631.560	87.631.560	-
Thuế nhập khẩu	-	83.320.741.797	83.320.741.797	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.983.284.694	24.100.361.736	35.582.739.408	9.500.907.022
Thuế thu nhập cá nhân	5.179.602.513	19.439.320.045	18.874.619.380	5.744.303.178
Tiền thuế đất	266.703.120	62.651.901.510	62.918.604.630	-
Thuế môn bài	114.251.072	81.755.522	81.755.522	114.251.072
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	241.873.969	18.009.093.371	18.219.646.405	31.320.935
Thuế khác	7.074.134.849	8.226.760.753	1.218.965.396	14.081.930.206
	<b>69.951.979.199</b>	<b>926.842.164.497</b>	<b>928.800.601.833</b>	<b>67.993.541.863</b>

**26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng ngắn hạn	528.323.128.640	627.790.990.456
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn	209.767.516.896	215.417.290.381
Chi phí phải trả khác	20.739.140.048	12.310.421.303
	<b>143.012.483.345</b>	<b>144.545.262.234</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng dài hạn	83.515.483.345	74.031.620.500
Chi phí lãi vay phải trả dài hạn	59.497.000.000	70.513.641.734
	<b>901.842.268.929</b>	<b>1.000.063.964.374</b>

**27. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>854.957.677.396</b>	<b>681.548.864.536</b>
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	137.942.779.491	237.855.091.994
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	95.877.090.099	86.167.577.950
Phải trả khách hàng mua căn hộ	80.564.917.526	44.996.237.712
Nhận đặt cọc ngắn hạn	74.861.169.699	67.889.013.952
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	64.948.464.837	64.948.464.837
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Lãi vay phải trả	8.371.163.980	13.624.762.793
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	342.392.091.764	116.067.715.298
<b>b) Dài hạn</b>	<b>26.698.001.467</b>	<b>88.091.240.776</b>
Quỹ bảo trì các dự án chung cư	14.276.729.433	23.624.612.561
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	12.421.272.034	64.466.628.215
	<b>881.655.678.863</b>	<b>769.640.105.312</b>

- (i) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 9) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 29.
- (ii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (**)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (**)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn (*)</b>	<b>848.456.513.182</b>	<b>848.456.513.182</b>	<b>1.770.986.653.308</b>	<b>1.908.947.583.590</b>	<b>710.495.582.900</b>	<b>710.495.582.900</b>
- Vay tại Công ty Mẹ	62.690.493.515	62.690.493.515	48.117.616.323	49.234.367.523	61.573.742.315	61.573.742.315
- Vay tại các công ty con	785.766.019.667	785.766.019.667	1.722.869.036.985	1.859.713.216.067	648.921.840.585	648.921.840.585
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>311.860.815.760</b>	<b>311.860.815.760</b>	<b>1.225.525.960.797</b>	<b>116.175.747.018</b>	<b>1.421.211.029.539</b>	<b>1.421.211.029.539</b>
- Vay tại Công ty Mẹ	-	-	955.033.981.983	-	955.033.981.983	955.033.981.983
- Vay tại các công ty con	311.860.815.760	311.860.815.760	270.491.978.814	116.175.747.018	466.177.047.556	466.177.047.556
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>15.062.971.958</b>	<b>15.062.971.958</b>	<b>13.865.533.382</b>	<b>16.719.648.776</b>	<b>12.208.856.564</b>	<b>12.208.856.564</b>
- Nợ tại Công ty Mẹ	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700	3.156.701.700
- Nợ tại các công ty con	11.906.270.258	11.906.270.258	10.708.831.682	13.562.947.076	9.052.154.864	9.052.154.864
	<b>1.175.380.300.900</b>	<b>1.175.380.300.900</b>	<b>3.010.378.147.487</b>	<b>2.041.842.979.384</b>	<b>2.143.915.469.003</b>	<b>2.143.915.469.003</b>

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	229.224.850.675	203.099.471.504
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	119.539.630.318	119.539.630.318
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	102.257.618.556	126.095.059.785
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	87.503.772.381	151.435.609.962
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	42.551.568.796	42.551.568.796
Ngân hàng TMCP Quân đội	10.188.228.335	92.773.315.990
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	119.229.913.839	112.961.856.827
	<b>710.495.582.900</b>	<b>848.456.513.182</b>

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ đã quá hạn thanh toán với số tiền khoảng 299 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 299 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản vay và nợ quá hạn trên vẫn có khả năng thanh toán trong tương lai.



**29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn (*)	1.799.601.643.513	1.799.601.643.513	257.573.865.159	238.175.747.018	1.818.999.761.654	1.818.999.761.654
- Vay tại Công ty Mẹ	955.033.981.983	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983	955.033.981.983
- Vay tại các Công ty con	844.567.661.530	844.567.661.530	257.573.865.159	238.175.747.018	863.965.779.671	863.965.779.671
Nợ thuê tài chính dài hạn	39.699.363.472	39.699.363.472	5.226.134.718	16.719.648.776	28.205.849.414	28.205.849.414
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	8.785.984.903	8.785.984.903	-	3.156.701.700	5.629.283.203	5.629.283.203
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các Công ty con	30.913.378.569	30.913.378.569	5.226.134.718	13.562.947.076	22.576.566.211	22.576.566.211
	<b>1.839.301.006.985</b>	<b>1.839.301.006.985</b>	<b>262.799.999.877</b>	<b>254.895.395.794</b>	<b>1.847.205.611.068</b>	<b>1.847.205.611.068</b>
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	326.923.787.718				1.433.419.886.103	
Số phải trả sau 12 tháng	1.512.377.219.267				413.785.724.965	

(\*) Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	253.994.176.370	245.055.736.027
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	340.811.274.021	399.611.274.021
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	191.901.937.874	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	45.820.000.000	45.820.000.000
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	31.438.391.406	54.080.651.482
	<b>1.818.999.761.654</b>	<b>1.799.601.643.513</b>

(i) Vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khoản vay có tài sản đảm bảo	523.154.505.650	444.956.387.509
Khoản vay tín chấp	1.295.845.256.004	1.354.645.256.004
	<b>1.818.999.761.654</b>	<b>1.799.601.643.513</b>

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng bằng VND, theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay dài hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi	863.965.779.671	844.567.661.530
Khoản vay áp dụng lãi suất cố định	955.033.981.983	955.033.981.983
	<b><u>1.818.999.761.654</u></b>	<b><u>1.799.601.643.513</u></b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.421.211.029.539	311.860.815.760
Trong năm thứ hai	256.843.369.912	1.186.455.995.042
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	86.914.877.582	210.284.832.711
Sau năm năm	54.030.484.621	91.000.000.000
	<b><u>1.818.999.761.654</u></b>	<b><u>1.799.601.643.513</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.421.211.029.539	311.860.815.760
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>397.788.732.115</u></b>	<b><u>1.487.740.827.753</u></b>

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	12.208.856.564	15.062.971.958
Trong năm thứ hai	9.228.420.276	23.416.707.019
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.768.572.574	1.219.684.495
	<b><u>28.205.849.414</u></b>	<b><u>39.699.363.472</u></b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	12.208.856.564	15.062.971.958
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>15.996.992.850</u></b>	<b><u>24.636.391.514</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế	Cộng	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>76.921.472</b>	<b>3.063.276.244</b>	<b>(2.862.795.798)</b>	<b>151.410.813.830</b>	<b>2.162.412.232</b>	<b>(3.027.089.835.305)</b>	<b>1.126.760.792.675</b>	
Tăng vốn trong năm	-	6.754.796.010	-	-	(25.487.110.833)	-	-	(18.732.312.823)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	23.986.265.087	23.986.265.087	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	16.672.043.203	-	(25.177.551.879)	(8.505.508.676)	
Tặng/(Giảm) khác	-	-	-	(10.195)	(96.143.415)	-	272.916.242	176.762.632	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>6.831.719.482</b>	<b>3.063.276.244</b>	<b>(2.862.805.993)</b>	<b>142.499.602.785</b>	<b>2.162.412.232</b>	<b>(3.028.008.205.855)</b>	<b>1.123.685.998.895</b>	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	75.922.673.762	75.922.673.762	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	12.771.445.959	-	(19.279.565.679)	(6.508.119.720)	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	1.320.785.113	1.320.785.113	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>6.831.719.482</b>	<b>3.063.276.244</b>	<b>(2.862.805.993)</b>	<b>155.271.048.744</b>	<b>2.162.412.232</b>	<b>(2.970.044.312.659)</b>	<b>1.194.421.338.050</b>	

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Vốn đã góp tại ngày</b>			
	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận Xây lắp : xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng : kinh doanh nhà và hạ tầng;
- Bộ phận dịch vụ và khác : cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày cuối năm**

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	11.634.182.593.619	2.194.519.692.233	955.741.415.236	(1.124.843.469.048)	13.659.600.232.040
(Lỗ) từ công ty liên kết	(693.885.648.454)	-	-	-	(693.885.648.454)
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>12.965.714.583.586</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	8.653.747.488.494	1.217.270.039.103	426.975.023.954	(320.698.201.930)	9.977.294.349.621
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>9.977.294.349.621</b>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày đầu năm**

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	12.900.433.211.704	2.743.528.686.448	572.344.412.962	(685.748.831.646)	15.530.557.479.468
(Lỗ) từ công ty liên kết	(667.788.889.679)	-	-	-	(667.788.889.679)
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>14.862.768.589.789</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	10.168.666.923.604	1.392.707.636.552	361.447.613.530	74.484.920.068	11.997.307.093.754
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>11.997.307.093.754</b>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay

	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hệ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.753.693.330.033	155.360.855.943	154.526.136.248	(911.654.521.791)	9.151.925.800.433
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	9.376.927.137.675	142.443.598.157	137.606.810.560	(855.716.855.641)	8.801.260.690.751
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>376.766.192.358</b>	<b>12.917.257.786</b>	<b>16.919.325.688</b>	<b>(55.937.666.150)</b>	<b>350.665.109.682</b>
Chi phí không phân bổ					(232.750.788.449)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>117.914.321.233</b>
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(26.096.758.775)
Lợi nhuận khác					7.163.318.703
Lãi từ hoạt động tài chính					14.719.464.671
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>					<b>113.700.345.832</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(21.978.146.502)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>91.722.199.330</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm trước**

	<b>Xây lập VND</b>	<b>Kinh doanh nhà và hạ tầng VND</b>	<b>Dịch vụ và khác VND</b>	<b>Loại trừ khi hợp nhất VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.211.100.073.227	548.697.344.980	365.962.717.147	(1.289.464.077.918)	11.836.296.057.436
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11.535.753.343.426	493.487.577.047	314.645.982.884	(1.255.701.143.288)	11.088.185.760.069
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>675.346.729.801</b>	<b>55.209.767.933</b>	<b>51.316.734.263</b>	<b>(33.762.934.630)</b>	<b>748.110.297.367</b>
Chi phí không phân bổ					(701.572.523.111)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>46.537.774.256</b>
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(31.355.467.203)
Lợi nhuận khác					18.107.662.786
Lãi từ hoạt động tài chính					55.233.926.599
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>					<b>88.523.896.438</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(65.832.464.640)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>22.691.431.798</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Miền Bắc	7.218.714.651.247	9.147.197.239.110
Miền Trung	80.144.934.341	135.532.859.249
Miền Nam	2.764.720.736.636	3.843.030.036.995
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(911.654.521.791)	(1.289.464.077.918)
	<b>9.151.925.800.433</b>	<b>11.836.296.057.436</b>

**32. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Đơn vị</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>tính</b>		
<b>Ngoại tệ các loại</b>			
Đô la Mỹ	USD	10.262.459	27.632.967
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>VND</b>	<b>11.372.006.001</b>	<b>11.047.395.478</b>

**33. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Hoạt động xây lắp	8.879.400.119.087	10.947.610.807.878
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	184.952.855.943	552.014.836.201
Hoạt động dịch vụ	137.243.598.041	297.691.638.105
Hoạt động tư vấn xây dựng	3.085.987.420	8.592.823.774
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	4.026.780.630	18.260.324.438
Hoạt động khác	1.159.263.184	19.193.394.029
	<b>9.209.868.604.305</b>	<b>11.843.363.824.425</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	57.942.803.872	7.067.766.989
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.151.925.800.433</b>	<b>11.836.296.057.436</b>



**34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Hoạt động xây lắp	8.533.126.722.965	10.301.181.236.939
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	142.443.598.157	493.487.577.047
Hoạt động dịch vụ	111.663.349.200	260.715.765.602
Hoạt động tư vấn xây dựng	2.647.109.984	8.730.890.147
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	8.043.124.864	20.347.435.539
Hoạt động khác	3.336.785.581	3.722.854.795
	<b>8.801.260.690.751</b>	<b>11.088.185.760.069</b>

**35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	23.744.999.419	23.777.868.219
Cổ tức, lợi nhuận được chia	615.833.619	395.685.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	33.035.036.738	65.175.679.349
Lãi chuyển nhượng cổ phần (*)	50.862.981.700	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.459.461.917	871.904.518
	<b>114.718.313.393</b>	<b>90.221.137.086</b>

(\*) Phản ánh tiền lãi chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - công ty con của Tổng Công ty) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (Thăng Long - Công ty con của Petroland) cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh như trình bày tại Thuyết minh số 4.

**36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	147.193.219.648	136.740.804.866
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(51.599.558.167)	10.940.434.397
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	36.709.409.069	27.756.163.965
(Hoàn nhập) dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh (*)	(99.912.312.503)	(175.100.109.426)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	64.422.751.058	31.151.363.174
Chi phí tài chính khác	3.185.339.617	3.498.553.511
	<b>99.998.848.722</b>	<b>34.987.210.487</b>

(\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 42, trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng và đánh giá 01 thư bảo lãnh đã có sự thay đổi nghĩa vụ bảo lãnh. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của thư bảo lãnh này với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND.

**37. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	235.607.409.947	226.637.233.979
Chi phí vật liệu quản lý	9.709.305.007	24.451.193.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.353.067.093	23.647.588.473
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(181.306.690.989)	276.060.642.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.660.833.560	59.226.570.250
Chi phí bằng tiền khác	81.343.426.554	67.815.804.155
	<b>223.367.351.172</b>	<b>677.839.033.566</b>

**38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.196.739.785.520	9.926.603.742.199
Chi phí nhân công	757.616.295.159	991.524.077.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	117.852.301.777	116.383.131.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.040.880.230.156	1.144.959.707.623
Chi phí dự phòng	(185.136.471.430)	326.933.981.045
Chi phí thuê ngoài và chi phí bằng tiền khác	231.799.936.470	208.971.188.333
	<b>8.159.752.077.652</b>	<b>12.715.375.828.660</b>

**39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay		
- Hoạt động xây lắp	22.515.119.572	44.432.102.202
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	541.076.942	13.837.467.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	1.044.165.222	431
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>24.100.361.736</b>	<b>58.269.570.143</b>

**40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)</b>	<b>75.922.673.762</b>	<b>23.986.265.087</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(3.452.377.655)	(4.303.159.602)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>72.470.296.107</b>	<b>19.683.105.485</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	399.997.029	399.997.029
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>181</b>	<b>49</b>

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.792.676.097.141	7.767.600.130.134
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các công ty liên kết	284.429.329.247	25.722.086.422
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	6.757.245.558	7.322.505.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Phải thu</b>		
Phải thu khách hàng là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	148.630.198.779	254.323.550.213
Phải thu khách hàng là các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	111.351.931.238	77.742.455.383
Phải thu khách hàng là các công ty liên kết	243.089.994.947	242.293.320.582
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	112.621.000
Ứng trước cho các công ty liên kết	339.066.114.904	302.264.496.593
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.874.911.113	2.008.154.052
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.823.660.838	63.373.999.703
Phải thu khác các công ty liên kết	180.249.832.273	175.542.327.759
Phải thu về cho vay các công ty liên kết	402.536.498.658	402.536.498.658
<b>Phải trả</b>		
Phải trả người bán là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	180.568.707.108
Phải trả người bán là các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	118.052.965.618	192.929.678.370
Phải trả người bán là các công ty liên kết	235.714.691.800	194.928.290.412
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	202.884.478.804	2.362.216.587.695
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	29.891.422.713	823.557.239
Các công ty liên kết ứng trước	4.965.453.846	4.965.453.846
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	64.948.464.837	64.888.464.837
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.738.172.700	55.621.610.533
Phải trả khác các công ty liên kết	4.327.085.622	5.330.169.452
<b>Các khoản vay</b>		
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	15.200.454.922	13.988.099.590
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	191.901.937.874	97.500.000.000

**42. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

**a) Bảo lãnh cho các khoản vay**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh	Dư nợ vay quá hạn	Dự phòng nghĩa vụ
			tại ngày 31/12/2016	tại ngày 31/12/2016	nợ phải trả tại ngày 31/12/2016
			VND	VND	VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
			<b>237.855.091.994</b>	<b>237.855.091.994</b>	<b>137.942.779.491</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 10).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**(\*) Nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn**

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi với các lý do cụ thể như sau:

- Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG.

Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND) chậm nhất ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá điều này đồng nghĩa với việc dư nợ gốc vay đã được cơ cấu lại và gia hạn trả nợ. Điều kiện để thực hiện phương án trả nợ là: (i) PVC-SG cung cấp đầy đủ các văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phê duyệt phương án tiếp tục triển khai Dự án Vị Thanh để trả nợ cho Oceanbank; (ii) đơn vị thi công và đơn vị bán hàng mở tài khoản thanh toán tại Oceanbank; (iii) toàn bộ doanh thu bán hàng, bán tài sản phải chuyển về tài khoản chuyên dụng mở tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn, PVC-SG đồng ý cho Oceanbank được quyền trích tiền từ tài khoản chuyên dụng để thu nợ; (iv) PVC-SG ký văn bản thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản đảm bảo theo yêu cầu của Oceanbank. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVC-SG đã trả được 5,5 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện rất tốt phương án mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Mặt khác, PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đang hợp tác rất chặt chẽ với nhau để tạo dòng tiền trả nợ cho ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là thông tin mới và rất quan trọng, thể hiện sự cố gắng của các bên trong quá trình giải quyết khoản nợ vay này.

- PVC-SG cũng đã có tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là một phần tài sản hình thành trong tương lai tại Dự án Vị Thanh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0068/HĐTC/OCEANBANK03 ngày 30 tháng 8 năm 2012 ký giữa PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn.

- Tổng Công ty đã nhận được Thư tư vấn số 549 lw.ndv/ntn/01-01 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Công ty Tư vấn Luật Bizconsult với kết luận như sau: (i) nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty theo thư bảo lãnh và thư gia hạn bảo lãnh cho PVC-SG đã chấm dứt hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 8 năm 2012; (ii) không có đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản yêu cầu ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn và đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư gia hạn bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thông tin này cùng với việc khoản vay của PVC-SG được gia hạn có thể khẳng định rằng Tổng Công ty chưa xuất hiện nghĩa vụ nợ ở thời điểm hiện tại.

- Việc trích lập một khoản dự phòng phát sinh từ một nghĩa vụ liên đới liên quan đến bảo lãnh vay vốn chưa có chuẩn mực kế toán quy định rõ ràng. Do đó, Tổng Công ty đang: (i) vận dụng nguyên tắc thận trọng trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh, theo đó, nguyên tắc thận trọng đòi hỏi "*phải lập các khoản dự phòng nhưng không được lập quá lớn*" và (ii) áp dụng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính quy định "*nghiêm cấm doanh nghiệp lợi dụng việc trích lập dự phòng để tính thêm vào chi phí các khoản dự phòng không có đủ căn cứ nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp ngân sách*". Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã trích lập khoảng 137,9 tỷ VND/237,8 tỷ VND dư nợ bảo lãnh quá hạn (chiếm 57,98%), theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản dự phòng này là hợp lý và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Mặt khác, trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập 100% giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (với số tiền khoảng 50 tỷ VND) và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính hợp nhất này là ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện cụ thể tại Báo cáo kiểm toán số 977/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Trên các cơ sở các lý do và nội dung đã trình bày ở trên, Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá đồng ý việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính (trình bày tại Thuyết minh số 36).

**b) Bảo lãnh thanh toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Công ty mẹ Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh trên sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

**43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc**

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

**Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1**

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính mà Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 07 tháng 01 năm 2015, PVN đã có Công văn số 091/DKVN-HĐTV gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Bộ Công thương đã có Báo cáo số 12839/BCT-TCNL báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 của Dự án. Ngày 25 tháng 01 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 573/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng dự toán điều chỉnh lần 2 của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa phê duyệt Dự toán gói thầu EPC điều chỉnh và Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với chủ đầu tư để ký kết phụ lục hợp đồng EPC. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được điều chỉnh trong tương lai sẽ cao hơn giá trị hợp đồng Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**b) Kết luận của Thanh tra Chính phủ**

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên, do đó, chưa có cơ sở để điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

**c) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chúng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020.



**Nguyễn Thị Thu Anh**  
**Người lập biểu**

Ngày 10 tháng 4 năm 2017



**Lưu Đức Hoàng**  
**Kế toán trưởng**



**Bùi Tiến Thành**  
**Phó Tổng Giám đốc**